

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-05-2021

V/v: ly hôn, T/C nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nghiêm Hoài Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Ngô Thị Như Hoa** và bà **Vũ Thị Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Ninh Viết Tùng**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên  
tòa:** Bà **Lê Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T1**. Sinh năm 1987.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Quang T2**. Sinh năm 1989.

Cùng ĐKKHKT: số nhà xxx, xxx, nhà xx, tổ 13 phường T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Trần Thị T1** trình bày:

Chị và anh **Hoàng Quang T2** kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ theo

đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 13 phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 không quan tâm, chăm sóc gia đình. Anh T2 đi làm ăn xa nhà, bỏ mặc chị trông nom, chăm sóc các con, không có đóng góp hay hỏi han gì. Qua bạn bè, chị biết được anh T2 đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Anh T2 ở đâu chị cũng không biết vì anh T2 ít về nhà, chị có hỏi nhưng anh T2 không nói. Do một mình nuôi con, kinh tế khó khăn nên từ cuối năm 2020, chị cùng 2 con đã về nhà bố mẹ chồng ở T, Thanh Thủy, Phú Thọ ở và sau đó chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Lạc Thủy, Hòa Bình sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã lâu và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T2.

Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Quang N (sinh ngày 06/02/2014) và Hoàng Quỳnh A (sinh ngày 21/6/2019), khi ly hôn chị đề nghị giao cả hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị chưa yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Quang T2 đã nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không đến Tòa làm việc, cũng không gửi bất cứ văn bản nào nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.*

Do anh T2 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chị T1 có đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị T1 được ly hôn anh T2. Về con chung: đề nghị giao 02 con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự chưa đề cập giải quyết nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị T1 khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Hoàng Quang T2. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Chị T1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Anh T2 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T1 và anh T2 kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T2 không quan tâm tới gia đình, không đóng góp kinh tế để nuôi dạy các con. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh T2 không có thiện chí muốn hòa giải, đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ 13, phường T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình nơi vợ chồng chị T1, anh T2 cư trú, địa phương cung cấp quá trình vợ chồng anh chị chung sống tại địa phương có xảy ra cãi vã, đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, anh T2 ít khi trở về nhà. HĐXX xét thấy, có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh chị đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T1, cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[3] Về con chung và nuôi con chung:

Vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Quang N (sinh ngày 06/02/2014) và Hoàng Quỳnh A (sinh ngày 21/6/2019). Cháu N và cháu Quỳnh A còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị T1. Hơn nữa anh T2 đi làm xa, không rõ nơi làm việc, ít khi về nhà nên để đảm bảo quyền lợi của cháu N và cháu Quỳnh A cần giao hai cháu cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 chưa yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh T2 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: đương sự đề nghị tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung; Anh T2 cũng không có ý kiến, quan điểm về vấn đề này nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX để các đương sự tự thỏa thuận, không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Quang T2.

2. Về con chung: giao cháu Hoàng Quang N (sinh ngày 06/02/2014) và Hoàng Quỳnh A (sinh ngày 21/6/2019) cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T2 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai số 0004001 ngày 13/10/2020, nay không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS TP HB;
- UBND x. T (Số đăng ký 17/2013);
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nghiêm Hoài Anh**